**BIỂU THẨM TRA**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN 19 TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2015**

**CỦA XÃ LÂM SƠN NĂM 2024**

*(Kèm theo Báo cáo thẩm tra số /BC-UBND ngày /12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn)*

| **TT** | **Tên tiêu chí** | **Nội dung tiêu chí** | **Yêu cầu đạt chuẩn** | **Kết quả thực hiện của xã** | **Kết quả thẩm tra của huyện** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Quy hoạch** | **1.1.** Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch. | Có quy hoạch chung xây dựng xã còn **thời hạn** hoặc đã được phê duyệt điều chỉnh của cấp có thẩm quyền. | - UBND huyện Ninh Sơn đã ban hành Quyết định số 3559/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 xã Lâm Sơn. Hiện nay đã thực hiện xong dự thảo đang trình Ban Thường vụ Huyện ủy cho ý kiến trước khi ban hành. | Đề xuất đánh giá **Đạt** vì lý do khách quan chung liên quan đến tất cả các xã trên địa bàn tỉnh và quy hoạch hiện nay của xã cơ bản vẫn đáp ứng được yêu cầu xây dựng NTM. |
| **1.2.** Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. | Có Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch đảm bảo tuân thủ các quy định tại Mục 7 và Mục 8 Luật Xây dựng năm 2014 |
| **1.3.** Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên. | Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới đã được phê duyệt phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch của huyện, tỉnh. Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư được duyệt đảm bảo tuân thủ quy định tại Mục 2 Chương II của Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn. |
| **2** | **Giao thông** | **2.1.** Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp và có các hạng mục cần thiết *(biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…)* theo quy định. | Tổng số tuyến đường xã được bảo trì thường xuyên và có các hạng mục cần thiết đạt tỷ lệ 100%; tổng số tuyến đường xã đã được bố trí đèn chiếu sáng đạt tỷ lệ ≥ 85%, tổng số km đường xã được bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt tỷ lệ ≥75%, phần còn lại được cứng hóa theo hình thức khác*.* | - 8/8 tuyến đường xã được bảo trì thường xuyên và có các hạng mục cần thiết *(biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…)* theo quy định, có bố trí đèn chiếu sáng đạt tỷ lệ 100%. Toàn xã có 8/8 km đường xã đã được bê tông hóa hoặc nhựa hóa, đạt tỷ lệ 100% | **Đạt** |
| **2.2**. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa và bảo trì hàng năm đạt 100% và có các hạng mục cần thiết theo quy định *(biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…)* và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt > 30%. | Tổng số km đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa đạt tỷ lệ 100%; tổng số tuyến đường thôn và đường liên thôn được bảo trì hàng năm và có các hạng mục cần thiết và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt tỷ lệ ≥ 30% | Tỷ lệ cứng hóa đạt 100% *(16,61 km/ 16,61 km);* Tổng số đường thôn và đường liên thôn có các hạng mục cần thiết và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là 47/52 tuyến, đạt tỷ lệ 90,3% |
| **2.3**. Tỷ lệ đường ngõ xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp đạt chỉ tiêu quy định theo từng loại xã. | Tổng số km đường ngõ xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp đạt tỷ lệ ≥ 90% | Đường ngõ xóm có tổng chiều dài 15,7 km, trong đó đã được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là 14,9 km, đạt tỷ lệ 94,9%. |
| **2.4**. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa. | Tổng số km đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt tỷ lệ ≥ 75%”, phần còn lại được cứng hóa theo hình thức khác | Tỷ lệ cứng hóa đạt 88,9%.  *(11,3 km/12,7 km),* trong đó cứng hóa bằng hình thức bê tông là 11,3 km |
| **3** | **Thủy lợi và phòng, chống thiên tai** | **3.1**.Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 90%. | Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 90% trở lên. | Đất sản xuất nông nghiệp được tưới của xã là 2.683,5 ha/2.683,5 ha, đạt 100%.  Đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tiêu chủ động là 2.683,5 ha/2.683,5 ha, đạt 100% | **Đạt** |
| **3.2**. Tổ chức thủy lợi cơ sở *(nếu có)* hoạt động hiệu quả | - Tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo về pháp lý, năng lực theo quy định của Luật Thủy lợi *( Có điều lệ hoặc quy chế hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thông qua và UBND cấp xã xác nhận; Toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở; Tổ chức bộ máy, người vận hành của tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo đáp ứng năng lực theo quy định)*  - Có số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đạt từ 70 điểm trở lên. | - Hiện nay xã đã bàn giao hệ thống thống lợi cho Công ty TNHH khai thác thủy lợi Ninh Thuận quản lý sử dụng.  Có số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đạt 90 điểm |
| **3.3**. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. | Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt ≥ 30% | Diện tích cây trồng chủ lực của xã (lúa, sầu riêng, măng cụt, bưởi và các loại cây lâu năm khác) bình quân là 623,5 ha, trong đó có diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước là 230ha/623,5 ha, đạt 36,8% |
| **3.4.** Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm. | 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng của xã được bảo trì hàng *năm* | 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng của xã được bảo trì hàng *năm (có lập kế hoạch bảo trì và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100%)* | **Đạt** |
| **3.5**.Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi. | Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi ( *biểu mẫu số 3 Phụ lục I).* | Các nguồn nước thải trên địa bàn xã được quản lý, kiểm soát chặt chẽ. Không có trường hợp nào vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi *(theo biểu mẫu số 3 Phụ lục I kèm theo)* |
| **3.6.** Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm tại chỗ. | Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Cụ thể:  - Đảm bảo tất cả các mục yêu cầu “có” tại cột yêu cầu phải đáp ứng “có”.  - Kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm. | - Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 số 125/KH-UBND ngày 29/11/2022 và Phương án PCTT năm 2022; QĐ kiện toàn BCH PCTT số 42/QĐ-UBND ngày 26/2/2024  - Kết quả đánh giá theo Phụ lục II đạt 100 điểm. |
| **4** | **Điện** | Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt tỷ lệ theo qui định của Bộ tiêu chí đối với từng loại xã*.* | Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn trên tổng số hộ dân trên địa bàn xã đạt ≥ 99% (*đối với xã ĐBKK tỷ lệ đạt* ≥ 98%*).* | Có 3.533/3.533 hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn, đạt 100% | **Đạt** |
| **5** | **Giáo dục** | **5.1**. 100% trường học các cấp *(mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS)* đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2. | 100% các trường học trên địa bàn xã đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2. | Có 6/6 trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1  *(Mẫu giáo Lâm Sơn, TH Lâm Sơn, TH Lâm Sơn A, TH Lâm Sơn B, TH Lập Lá và trường THCS Lê Lợi*), 03 trường đạt mức độ 2 *(THCS Lê Lợi, TH Lâm Sơn, TH Lập Lá)* | **Đạt** |
| **5.2.** Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. | Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi do cấp thẩm quyền công nhận. | Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3, PCGD THCS mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 *(Quyết định số 3248/QĐ-UBND, ngày 12/12/2024 của UBND huyện Ninh Sơn đạt chuẩn phổ cập Giáo dục - Xóa mùa chữ năm 2024)* |
| **5.3.** Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đạt mức độ 3. | Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3 do cấp thẩm quyền công nhận. |
| **5.4.** Đạt chuẩn xóa mù chữ đạt mức độ 2. | Đạt chuẩn xóa mù chữ đạt mức độ 2 do cấp thẩm quyền công nhận. |
| **5.5.** Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại. | Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại đạt loai khá trở lên. | - Cộng đồng học tập được đánh giá, xếp loại Tốt |
| **5.6.** Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. | Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền đáp ứng các yêu cầu: Có sân chơi, bãi tập, trang thiết bị các môn cơ bản *(cầu lông, bóng da, áo phao, tạ, dây thừng,…)*, tham gia thể dục thể thao do ngành, địa phương tổ chức,… | Xã luôn phối hợp với các trường học xây dựng các mô hình giáo dục thể chất cho học sinh có sân chơi, bãi tập, trang thiết bị các môn cơ bản *(*bóng chuyền, bóng đá, cầu lông…*…)* và tham gia các Hội khỏe phù đổng, các hoạt động ngoại khóa của trường do ngành giáo dục và địa phương tổ chức. | **Đạt** |
| **6** | **Văn hóa** | **6.1**. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. | - Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời đối với các xã đồng bằng *( 50% đối với các xã miền núi)* .  - Hoạt động văn hóa văn nghệ *(Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị: Đồng bằng 12 cuộc/năm; miền núi tối thiểu 4 cuộc/ năm; Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng: Đồng bằng 4 cuộc/năm; miền núi tối thiểu 2 cuộc/năm; Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ: Đồng bằng 5 câu lạc bộ trở lên; miền núi 3 câu lạc bộ trở lên; Thư viện, phòng đọc sách, báo: Đồng bằng hoạt động tốt; miền núi có hoạt động; Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa: Đồng bằng tối thiểu 30% trở lên/tổng số dân; miền núi tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân).*  - Hoạt động thể dục thể thao *(Thi đấu thể thao: Đồng bằng 6 cuộc/năm; miền núi 4 cuộc/năm; Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên: Đồng bằng tối thiểu 25%/tổng số dân; miền núi tối thiểu 20 %/tổng số dân)*  - Hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em *(Thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao: Đồng bằng Đạt 30% thời gian hoạt động*; miền núi Đạt 20% thời gian hoạt động). | Trên địa bàn xã có 2/2 điểm được lắp đặt các dụng cụ TD,TT ngoài trời tại sân TT học tập cộng đồng của xã được người dân hưởng ứng và tham gia. Có CLB bóng chuyền, bóng đá; Tại các trường có Thư viện thu hút học sinh đến nghiên cứu và đọc sách.  - Ngoài ra, hàng năm xã tổ chức các hội diễn văn nghệ chào mừng các dịp lễ lớn, ngày đại đoàn kết toàn dân tộc… tại các thôn còn có các Đội văn nghệ thường xuyên tổ chức giao lưu văn hóa, thu hút trẻ em, thanh niên và Nhân dân trên địa bàn xã cùng tham gia.  - Hàng năm, xã có tổ chức các giải bóng đá phong trào, bóng chuyền, cầu lông thu hút lực lương học sinh và Nhân dân trên địa bàn tham gia. | **Đạt** |
| **6.2**. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. | Di sản văn hóa trên địa bàn xã (nếu có)được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. | - Trên địa bàn xã có khu di tích Đình Sông Pha được công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 931 - QĐ/UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận. Trong năm 2023 đã đầu tư duy tu, sửa chữa, có giá trị trên 30 triệu đồng | **Đạt** |
| **6.3**. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới > 40% | Thôn vừa đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định vừa đạt chuẩn nông thôn mới đạt > 40%. | Có 05 thôn/10 thôn *(*Lâm Hòa, Lâm Bình, Lâm Phú, Lâm Quý, Tân Bình) đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định vừa đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 50%. | **Đạt** |
| **7** | **Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn** | Xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo tiêu chí xã nông thôn mới và đồng thời có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng một phần hoặc đầy đủ các tiêu chí quy định về chợ kinh doanh thực phẩm. | - Chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ phải đáp ứng tiêu chí/yêu cầu quy định tại TCVN 11856: 2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.  - Siêu thị phải đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Chương 2 Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành quy chế siêu thị, trung tâm thương mại. | Chợ Lâm Sơn đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo tiêu chí xã NTM. Đáp ứng tiêu chí/yêu cầu quy định tại TCVN 11856: 2017 về chợ kinh doanh thực phẩm. | **Đạt** |
| **8** | **Thông tin và truyền thông** | **8.1.** Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. | Điểm phục vụ bưu chính ngoài việc đáp ứng các điều kiện của xã đạt chuẩn nông thôn mới phải có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân. | 01 điểm phục vụ bưu chính đáp ứng điều kiện của xã đạt chuẩn NTM và có phục vụ dịch vụ công trực tuyến đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân. | **Đạt** |
| **8.2.** Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh *(theo độ tuổi lao động)* đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã. | Tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động trên địa bàn xã có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 80% *(đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tối thiểu 50%).* | - Số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (*theo độ tuổi lao động)* trên địa bàn xã là 4.932/6.432 người, đạt 80,14%. | **Đạt** |
| **8.3.** Có dịch vụ báo chí truyền thông. | - 100% thôn của xã khu vực đồng bằng có hệ thống loa hoạt động thường xuyên;  - 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet;  - Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm. | - 10/10 thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên  - 01 điểm phục vụ bưu chính cũng là điểm cung cấp xuất bản phẩm trên địa bàn xã.  - 100% hộ dân trên địa bàn xã xem được ít nhất là 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet. |
| **8.4.** Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội | - Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiếu 50%.  - Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt 100% *(đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tối thiểu 80%).*  - Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt tối thiểu 70% (*đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tối thiểu 50%).*  - 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử; | - Tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính 2.653/2.653 đạt tỷ lệ 100%.  - Có 26/27 cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số , đạt 100 %( 01 chức danh kiêm nhiệm Phóa bí thư kiêm chủ tịch HĐND)  - Có 5.154/6.432 người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 84,7%  - Các Sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử. |
| **8.5.** Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng *(khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…).* | Có các điểm công cộng có mạng wifi miễn phí gồm: UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trạm Y tế, Trường học, nhà văn hóa thôn, các điểm du lịch cộng đồng, khu vui chơi giải trí cộng đồng, chợ. | - Hiện nay, địa phương đã phối hợp với đơn vị viễn thông lắp đặt Wifi miễn phí tại UBND xã và 10 điểm tại Nhà văn hóa - thể thao của 10 thôn. | **Đạt** |
| **9** | **Nhà ở dân cư** | Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ≥ 95%. | Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ≥ 95%. | Có 3.430/3.533 hộ có nhà ở đạt chuẩn theo qui định của Bộ Xây dựng, chiếm tỷ lệ 97,% | **Đạt** |
| **10** | **Thu nhập** | TNBQ đầu người | TNBQ đầu người ≥ 60 triệu đồng/người/năm | TNBQ đầu người ≥ 61 triệu đồng/người/năm | **Đạt** |
| **11** | **Nghèo đa chiều** | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều và hộ cận nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 | Tổng tỷ lệ hộ nghèo đa chiều và tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 của xã < 3% | Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều là 2,81% *(trong đó tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 1,13% và tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều 1,68%)* theo Quyết định số 3391/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của Chủ tịch UBND huyện Ninh Sơn. | **Đạt** |
| **12** | **Lao động** | **12.1.** Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã. | Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt ≥ 80% | Số lao động qua đào tạo 5.246/6.432 đạt 81,5 %. | **Đạt** |
| **12.2.** Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã. | Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của xã đạt ≥ 30% | Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 2.311/6.432 đạt 36% |
| **13** | **Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn** | **13.1** Xã có ít nhất 01 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định | - Có ít nhất 01 HTX hoạt động hiệu quả *( Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành; Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên HTX;.Được đánh giá, xếp loại đạt loại khá trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Có quy mô thành* *viên đủ lớn).*  - Có ký kết, thực hiện hợp đồng tiêu thụ cho tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của hợp tác xã trong 3 năm liền trước năm xét công nhận. | - Có 03 HTX xã trên địa bàn đang hoạt động hiệu quả  HTX DV Tầm Ngân ký kết với Công ty CJ tiêu thị trên 30% sản lượng của HTX. | **Đạt** |
| **13.2.** Xã có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn. | - Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên còn thời hạn theo quyết định của UBND tỉnh ***hoặc*** có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực của xã đáp ứng các điều kiện sau: Sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung, đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định; Có thương hiệu sản phẩm *(được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý);*  Có bao bì, nhãn mác theo quy định; Có kênh phân phối ổn định và hiệu quả *(tỷ trọng sản phẩm chủ lực được tiêu thụ qua kênh phân phối ≥ 50%/năm)* trong ít nhất 02 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã NTM nâng cao. | - Có 01 sản phẩm OCOP đạt chuẩn 3 sao *(Yến sào Sao Mai)* còn thời hạn | **Đạt** |
| **13.3.** Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm | - Có mô hình kinh tế ứng dụng CNC đáp ứng một trong các điều kiện sau: Có Khu nông nghiệp CNC được cơ quan NN có thẩm quyền thành lập hoặc phê duyệt; Có Doanh nghiệp NN được cấp Giấy chứng nhận DN CNC; Mô hình kinh tế có quy mô phù hợp đặc điểm phát triển kinh tế của địa phương và đầu tư sản xuất để tạo ra các sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường ***Hoặc***  Có mô hình NN áp dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu đáp ứng các điều kiện: có quy mô phù hợp đặc điểm phát triển kinh tế của địa phương *(căn cứ vào từng loại hình sản xuất cây trồng, vật nuôi có các khâu cơ giới hóa khác nhau* *);* được đánh giá là đạt khi điểm trung bình các khâu ≥ 65 điểm ***Hoặc***  Có liên kết theo chuỗi giá trị gắn với bảo đảm ATTP đáp ứng các điều kiện sau: Có mô hình LKSX và tiêu thụ nông sản chủ lực dựa trên HĐ liên kết ổn định và được sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết; SP mô hình liên kết được cấp giấy chứng nhận đảm bảo ATTP hoặc tương đương còn hiệu lực. | - Có 04 mô hình ứng dụng công nghệ cao: Trồng lan Hồ Điệp phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế của xã; tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường. |
| **13.4.** Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. | Có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã | - Sản phẩm Yến sào Sao Mai được chứng nhận OCOP 3 sao đã thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm. | **Đạt** |
| **13.5** Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử ≥ 50%. | Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử đạt ≥ 50% | Có 2/3 sản phẩm Sầu Riêng, Măng cụt, Chôm chôm, yến sào, Lan Hồ điệp được bán trên kênh thương mại điện tử đạt 67,6%. |
| **13.6** Xã có vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng | Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng | - Hiện nay trên địa bàn xã đã cấp 03 mã vùng trồng nội địa cho 03 loại trái cây chủ lực của địa phương |
| **13.7** Xã có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội | Có triển khải quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội | - Du lịch vườn trái cây Lâm Sơn |
| **13.8** Xã có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường) | Có ít nhất 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị đảm bảo tối thiểu 02 tiêu chí trong các tiêu chí sau: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập; giữ gìn bản sắc văn hóa; không gây ô nhiễm môi trường. | - Mô hình trồng trồng lan của ông Phan Thanh Sang, Nguyễn Thị Định, Mô hình nuoi lươn không bùn của bà Khổng Thị Hạnh mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo công ăn viêc làm cho hơn 100 lao động tại địa phương. |
| **14** | **Y tế** | **14.1.** Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt ≥ 95%. | Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt ≥ 95%. | - Số người dân tham gia BHYT là 11.936/12.434 người đạt 95,99%. | **Đạt** |
| **14.2.** Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe | Đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.  - Đã chuẩn bị cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí. Bảo đảm tối thiểu có:  + Có phòng làm việc, có bộ bàn ghế văn phòng;  + Có tối thiểu 01 máy tính để bàn có kết nối mạng internet;  + Đã cài đặt ứng dụng, phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử;  + Đã đào tạo cho nhân viên y tế sử dụng thành thạo phần mềm.  - Đã xây dựng các phương án kết nối liên thông dữ liệu với ban, ngành liên quan tại địa phương như: cơ quan Bảo hiểm xã hội, ngành Công an.. | - UBND xã Lâm Sơn đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.  - Bố trí cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí. Bảo đảm tối thiểu có:  + Có phòng làm việc, có bộ bàn ghế văn phòng;  + Có 01 máy tính để bàn có kết nối mạng internet;  + Đã cài đặt ứng dụng, phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử;  + Nhân viên y tế được đào tạo để sử dụng thành thạo phần mềm.  - Đã xây dựng các phương án kết nối liên thông dữ liệu với ban, ngành liên quan tại địa phương như: cơ quan Bảo hiểm xã hội, ngành Công an... |
| **14.3.** Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa | - Đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.  - Đã chuẩn bị cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí. Bảo đảm tối thiểu có:  + Có phòng làm việc, có bộ bàn ghế văn phòng;  + Có tối thiểu 01 máy tính để bàn có kết nối mạng internet;  + Đã cài đặt ứng dụng, phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử;  + Đã đào tạo cho nhân viên y tế sử dụng thành thạo phần mềm.  - Đã xây dựng các phương án kết nối liên thông dữ liệu với ban, ngành liên quan tại địa phương như: cơ quan Bảo hiểm xã hội, ngành Công an... | - UBND xã Lâm Sơn đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.  - Bố trí cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí. Bảo đảm tối thiểu có:  + Có phòng làm việc, có bộ bàn ghế văn phòng;  + Có 01 máy tính để bàn có kết nối mạng internet;  + Đã cài đặt ứng dụng, phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử;  + Nhân viên y tế được đào tạo để sử dụng thành thạo phần mềm.  - Đã xây dựng các phương án kết nối liên thông dữ liệu với ban, ngành liên quan tại địa phương như: cơ quan Bảo hiểm xã hội, ngành Công an... |
| **14.4.** Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử | - Đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.  - Đã chuẩn bị cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí. Bảo đảm tối thiểu có:  + Có phòng làm việc, có bộ bàn ghế văn phòng;  + Có tối thiểu 01 máy tính để bàn có kết nối mạng internet;  + Đã cài đặt ứng dụng, phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử;  + Đã đào tạo cho nhân viên y tế sử dụng thành thạo phần mềm.  - Đã xây dựng các phương án kết nối liên thông dữ liệu với ban, ngành liên quan tại địa phương như: cơ quan Bảo hiểm xã hội, ngành Công an... | - UBND xã Lâm Sơn đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.  - Bố trí cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí. Bảo đảm tối thiểu có:  + Có phòng làm việc, có bộ bàn ghế văn phòng;  + Có 01 máy tính để bàn có kết nối mạng internet;  + Đã cài đặt ứng dụng, phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử;  + Nhân viên y tế được đào tạo để sử dụng thành thạo phần mềm.  - Đã xây dựng các phương án kết nối liên thông dữ liệu với ban, ngành liên quan tại địa phương như: cơ quan Bảo hiểm xã hội, ngành Công an... |
| **15** | **Hành chính công** | **15.1.** Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính | Có ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng các yêu cầu sau:  - Đảm bảo hệ thống mạng nội bộ và hạ tầng CNTT để thực hiện giải quyết giải quyết TTHC thông qua hệ thống một cửa điện tử của tỉnh.  - 100% dịch vụ công trực tuyến triển khai mức độ 4 và thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến.  - 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng *(trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).* | - Hệ thống mạng nội bộ và hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu giải quyết TTHC thông qua hệ thống một cửa điện tử .  -100% dịch vụ công trực tuyến triển khai mức độ 4 và thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến.  - 100% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng *(trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).* | **Đạt** |
| **15.2.** Có dịch vụ công trực tuyến một phần | Có dịch vụ công trực tuyến một phần | - Đã thực hiện dịch vụ công trực tuyến triển khai mức độ 3,4 và thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến | **Đạt** |
| **15.3.** Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp. | Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp *(Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết; 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định; Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ; Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên.; Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt)* | -Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của xã.  -Thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo quy định. UBND xã thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Thủ tục hành chính được giải quyết thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã. Tất cả các hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hẹn, không có hồ sơ trễ hẹn.  - Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ được xếp loại tốt; đảm bảo mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp |
| **16** | **Tiếp cận Pháp luật** | **16.1** Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở | Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận. | - Xã có 01 mô hình “ Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở” thôn Tầm Ngân 2 theo quyết định sô 265/QĐ-UBND ngày 19/11/2024 của UBND xã Lâm Sơn và được huyện công nhận, duy trì 10 Tổ hòa giải ở cơ sở tương ứng với 10 thôn, các mô hình hoạt động hiệu quả. Phát huy được vai trò của mô hình trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật người dân hiểu và biết về pháp luật, công tác hòa giải, giúp chính quyền địa phương giải quyết đáng kể các trường hợp xảy ra tại cơ sở. | **Đạt** |
| **16.2** Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành | Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp,vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt ≥ 90%. | Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp trong phạm vi hòa giải được hòa giải thành 12/13 vụ, đạt 92,3%. |
| **16.3** Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý đạt ≥ 90%. | Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý đạt ≥ 90%. | - Công tác trợ giúp pháp lý cho người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được quan tâm đạt 100%, với 509 người dân có nhu cầu trợ giúp pháp lý trong năm 2024. |
| **17** | **Môi trường** | **17.1.** Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ *(gia súc, gia cầm),* nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường. | Các khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ *(gia súc, gia cầm),* nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu sau:  **-** Có HT thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, quan trắc môi trường và công trình BVMT khác, cụ thể:  - Có HT thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung.  - Thực hiện quan trắc môi trường theo quy định.  - Có công trình BVMT theo quy định, bao gồm: Công trình xử lý chất thải là công trình, thiết bị xử lý nước thải, bụi, khí thải, CTR và CTNH; Công trình thu gom, lưu giữ CTR là công trình, thiết bị thu gom, lưu giữ CTR thông thường, CTR nguy hại để đáp ứng yêu cầu phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, vận chuyển CTR đến địa điểm xử lý hoặc tái sử dụng, tái chế; Công trình BVMT khác. | - Trên địa bàn xã có 01 cơ sở sản xuất - kinh doanh nuôi trồng thủy sản.  - Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường: có 05 có sở, bao gồm: cơ sở kinh doanh xăng dầu (cửa hàng xăng dầu Petrolimex) thuộc thôn Lâm Phú và thôn Lập Lá; Nhà máy thủy điện Đa Nhim; nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha, Trang trại chăn nuôi heo Thành Đạt.  - Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Phụ lục 16) như: dịch vụ thương mại, buôn bán các sản phẩm, hàng hóa tiêu dung, đồ gia dụng có diện tích dưới 200m2; dịch vụ ăn uống có diện tích dưới 200m2; canh tác trên đất nông nghiệp, lâm nghiệp; …. Đều có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định. | **Đạt** |
| **17.2.** Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%. | Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã đạt ≥ 100%.*.* | - Xã có 01/01 cơ sở SX-KD nuôi trồng thủy sản, bảo đảm quy định về môi trường đạt 100%. |
| **17.3.** Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã. | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt ≥ 85%*.* | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định là 5.061 m3/5.328 m3 đạt 95%. *(bao gồm cả tỷ lệ thu gom trong dân và của Công ty Nam Thành)*, đảm bảo không vứt rác bừa bãi ra môi trường. |
| **17.4.** Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã. | Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt ≥ 40% | - Số hộ gia đình trên địa bàn xã thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp là 3.002/3.533 hộ, đạt 84,97%. | **Đạt** |
| **17.5.** Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt ≥ 50%. | Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn xã đạt ≥ 50%. | Tỷ lệ hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn đạt 50,95% (*1.800/3.533* *hộ)* |
| **17.6.** Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu sau về bảo vệ môi trường đạt 100%. | Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%. | Xã có 36 bô rác được bố trí tại các khu vực tập kết rác thải sinh hoạt để người dân tự gom các bao gói thuốc BVTV sau sử dụng để thu gom và xử lý, đạt 100%, ( 512m3/512m3). CTR y tế được thu gom, xử lý theo quy định của ngành Y tế, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt tỷ lệ 100%. |
| **17.7.** Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt ≥ 80%. | Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt ≥ 80%. | - Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường là 890m3/1.005 m3 đạt 88,5%. |
| **17.8.** Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và và bảo vê môi trườngđạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã. | Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt ≥ 90% | Số hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường là 251/274 hộ đạt 91,6% | **Đạt** |
| **17.9.** Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng *(nếu có*) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch. | Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng *(nếu có)* đáp ứng các quy định pháp luật và theo quy hoạch | - Xã có 04 nghĩa trang . Có Ban quản lý Nghĩa trang được thành lập, hoạt động của Nghĩa trang đáp ứng các quy định của pháp luật. Mai táng được thực hiện phù hợp với quy định. |
| **17.10.** Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng | Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 1-5% | Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng 6/118 người chết đạt 5% |
| **17.11.** Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt 4m2/người. | Chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt ≥ 4m2/người. | Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt 4,88 m2/người *(tổng diện tích khu công cộng là 57.823,5 m2/12.434* *nhân khẩu)* |
| **17.12.** Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt chỉ tiêu đối với từng loại xã. | Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt ≥ 70% (*đối với xã ĐBKK đạt ≥ 50%).* | Rác thải nhựa như vỏ hộp nhựa, chai nhựa… phát sinh từ các hộ gia đình, đều được tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở thu mua tái chế phế liệu đạt tỷ lệ 100% *(1.628/1.628 m3* *chất thải nhựa phát sinh)* | **Đạt** |
| **18** | **Chất lượng môi trường sống** | **18.1.** Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt ≥ 50% | Hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung *(2.548/3.533* *hộ) tỷ lệ 72,1%* | **Đạt** |
| **18.2.** Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ ngày đêm. | Số lượng nước cấp sinh hoạt *(tính bằng lít)* đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm đạt ≥ 60 lít/ người | Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm là 83,3 lít nước/người/ngày đêm. |
| **18.3.** Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững. | Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững khi đáp ứng yêu cầu ≥ 30% *(đối với xã ĐBKK là ≥ 25% ).* | Trên địa bàn xã không có công trình cấp nước tập trung. Người dân sử dụng nước sạch từ 02 công trình cấp nước tập trung là Hệ thống cấp nước Lâm Sơn và Nhà máy cấp nước Lương Sơn( Xã Lương Sơn)  Không đánh giá nội dung này. |
| **18.4.** Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hằng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100% | Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hằng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100% | 115/115 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã ký cam kết đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tỷ lệ 100% | **Đạt** |
| **18.5.** Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã | Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã | Không có sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã |
| **18.6.** Tỷ lệ cơ sở chế biến, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã. | Tỷ lệ cơ sở chế biến, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về ATTP đạt ≥ 80%*.* | - Trên địa bàn xã không có cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản. |
| **18.7.** Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã. | Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt ≥ 95% | Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 96,26% *(3.401/3.533* *hộ)* |
| **1.8.** Tỷ lệ bãi chôn lấp chất chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%. | 100% bãi chôn lắp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã đảm bảo vệ sinh môi trường | - Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt: Không có. |
| **19** | **Quốc phòng và an ninh** | **19.1.** Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân. | Bảo đảm tổ chức, biên chế theo đúng quy định, cấp ủy hoạt động hiệu quả, tổ chức giáo dục quốc phòng an ninh theo đúng kế hoạch; cán bộ, chiến sỹ chấp hành nghiêm pháp luật, kỹ luật và phải đạt:  - Biên chế Ban Chỉ huy quân sự xã có 01 Chỉ huy trưởng và 01 – 02 Phó Chỉ huy trưởng.  - 100% Chi bộ Quân sự có cấp ủy.  - Phát triển 02 – 03 Đảng viên trong dân quân/năm.  - Tối thiểu 80% thôn đội trưởng là Đảng viên. | - Hiện nay, BCH Quân sự xã có 1 Chỉ huy trưởng và 01 chỉ huy phó; Chi bộ có cấp ủy. Có 8/10 thôn đội trưởng là Đảng viên.  - Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 13/11/2023 của UBND xã về công tác quốc phòng, quân sự địa phương năm 2024;  - Xây dựng và triển khai Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 31/01/2024 về huấn luyện LLDQ.  - Hàng năm thực hiện việc tuyển quân, xã có tỷ lệ giao quân hàng năm đều đủ và vượt chỉ tiêu giao. | **Đạt** |
| **19.2.** Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (*giao thông, cháy, nổ)* nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình *(phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy)* gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. | - Đảng ủy xã có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.  - Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/201 của Bộ Công an.  - Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật: Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật; Không để xảy ra những hoạt động như: Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều ngưòi cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đon, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiêu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, nguời có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.  - Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm ít nhất 05% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước *(trừ trường hợp bất khả kháng).*   * Không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự *.* * Tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên, không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm pháp luật. * Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn *(giao thông, cháy, nổ)* nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an *(trừ trường hợp bất khả kháng).* * Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. | - Đảng ủy xã ban hành Nghị quyết 25-NQ/ĐU ngày 01/02/2024 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PC, CC và cứu hộ cứu nạn năm 2023; Nghị quyết 16-NQ/ĐU ngày 25/01/2024 về Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông năm 2023.  UBND xã ban hành Kế hoạch số 10//KH-UBND ngày 17/02/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân năm 2024.  - Không xảy ra các hoạt động theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an.  - Không có khiếu kiện đông người kéo dài.  - Không có công dân cư trú tr trái quy trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng,  - Có 07 mô hình an toàn về an ninh trật tự, trật tự an toàn giao thông và PCCC tại các thôn, cụ thể: Mô hình Khu dân cư an toàn về an ninh trật tự, trật tự an toàn  - Không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự  - Tập thể công an xã chưa được đánh giá xếp loại. | **Đạt** |